

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu ngân sách xã	14,583,600,000	6,583,600,000	34,680,504,294	12,392,959,708	237.80	188.24
A	Thu ngân sách xã đã qua Kho bạc	14,583,600,000	6,583,600,000	34,680,504,294	12,392,959,708	237.80	188.24
I	Các khoản thu 100%	190,000,000	190,000,000	1,016,974,393	981,192,725	535.25	516.42
1	Phí, lệ phí	15,000,000	15,000,000	9,973,000	9,973,000	66.49	66.49
2	Thu từ quỹ đất công ích và đất công	150,000,000	150,000,000	390,673,000	390,673,000	260.45	260.45
21	Thu HLCS từ quỹ đất công ích và đất công	150,000,000	150,000,000	279,135,000	279,135,000	186.09	186.09
22	Thu hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất theo chế độ quy định						
23	Thu khác HLCS			111,538,000	111,538,000	116.45	116.45
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Đóng góp của nhân dân theo quy định (Quỹ cấp tỉnh, TW nếu có)						
5	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước						
6	Thu kết dư ngân sách năm trước						
7	Thu khác	25,000,000	25,000,000	616,328,393	580,546,725	107.39	101.15
71	Thu chuyển nguồn			528,850,725	528,850,725		
72	Thu khác	25,000,000	25,000,000	87,477,668	51,696,000	349.91	206.78
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	10,065,500,000	2,065,500,000	28,421,846,601	6,170,083,683	282.37	298.72
	Các khoản thu phân chia (1)	41,500,000	41,500,000	225,771,701	225,771,701	544.03	544.03
1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	7,000,000	7,000,000	23,369,055	23,369,055	333.84	333.84
2	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	4,500,000	4,500,000	2,900,000	2,900,000	64.44	64.44
3	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	30,000,000	30,000,000	199,502,646	199,502,646	665.01	665.01
	Các khoản thu phân chia theo quy định của tỉnh(2)	10,024,000,000	2,024,000,000	28,196,074,900	5,944,311,982	281.29	293.69
1	Thu tiền sử dụng đất	10,000,000,000	2,000,000,000	28,185,774,900	5,936,071,980	281.86	296.80
2	Thuế giá trị gia tăng	16,000,000	16,000,000	6,866,666	5,493,334	42.92	34.33
2	Thuế thu nhập cá nhân	8,000,000	8,000,000	3,433,334	2,746,668	42.92	34.33
3	Các khoản thuế điều tiết khác						
III	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4,328,100,000	4,328,100,000	5,241,683,300	5,241,683,300	121.11	121.11
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	2,690,100,000	2,690,100,000	2,736,810,000	2,736,810,000	101.74	101.74
2	Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	1,638,000,000	1,638,000,000	2,504,873,300	2,504,873,300	152.92	152.92
IV	Viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						

B	Thu ngân sách xã chưa qua KB						
----------	-------------------------------------	--	--	--	--	--	--